

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày: 16/4/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

*T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Khánh Bảo.
2. Ông Nguyễn Hữu Cư;

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Cúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Hoàng H.** Tên gọi khác: Châu; sinh ngày 24/3/1993; tại Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: khu phố 4, phường 2, T phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970 và bà Hoàng Thị Thúy D, sinh năm: 1972; vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không. Tiền án: 03 tiền án.

- Ngày 18/12/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xử phạt 09 tháng tù theo bản án số 20/2013/HSST về tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 19/12/2013 bị Tòa án nhân dân T phố Đông Hà xử phạt 20 tháng tù theo bản án số 116/2013/HSST về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp chung của 02 bản án theo Quyết định số 02/2014/QĐ-THHP ngày 08/02/2014 của Tòa án nhân dân T phố Đông Hà buộc Nguyễn Hoàng H phải chấp hành hình phạt của 02 bản án là 29 tháng tù. Ngày 15/7/2016, Nguyễn Hoàng H chấp hành xong hình phạt tù nhưng đến nay H chưa chấp hành nghĩa vụ nộp án phí của cả 02 bản án.

- Ngày 17/10/2019 bị Tòa án nhân dân T phố Đông Hà xử phạt 18 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 78/2019/HSST. Ngày 08/11/2020 thi hành xong hình phạt tù, ngày 02/6/2020 thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí, tính đến ngày phạm tội chưa đủ điều kiện để được xóa án tích.

Nhân T: Ngày 28/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 07/2014/HSST. (Hành vi phạm tội xảy ra trước thời điểm thực hiện hành vi phạm tội tại các Bản án số 20/2013/HSST và Bản án số 116/2013/HSST). H đã thi hành xong hình phạt tù ngày 15/7/2016, phần nghĩa vụ nộp án phí vào ngày 23/9/2014, nên được xóa án tích. Ngày 05/01/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gio Linh khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 04/QĐ-ĐCSHS-KTMT, ngày

11/01/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Phong khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định khởi tố bị can số 04/QĐ-KTBC. Hiện các vụ án này chưa được xét xử.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Linh. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Hà Văn H1.** Tên gọi khác: Vẹo; sinh ngày 04/9/1991, tại Gio Linh, Quảng Trị; Nơi cư trú: khu phố 7, phường 3, T phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn NgU; sinh năm: 1964 và bà Trần Thị Hóa; sinh năm: 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân T: Ngày 27/5/2008 bị Tòa án nhân dân T phố Đông Hà xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo Bản án số 22/HSST, bị cáo đã thi hành xong hình phạt và các nghĩa vụ khác trong bản án vào ngày 17/10/2008, đã được xóa án tích. Ngày 05/01/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gio Linh khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 03/QĐ-ĐCSHS-KTMT, ngày 11/01/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Phong khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định khởi tố bị can số 03/QĐ-KTBC. Hiện các vụ án này chưa được xét xử.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Linh. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Đinh Phi T, sinh năm 1979.

2. Bà Cao Thị Tổ U, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Q. Do ông Đinh Phi T đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 30 tháng 12 năm 2020). Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1975.

4. Ông PH Văn H, sinh năm 1974.

Đều trú tại: Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Q. Do ông PH Văn H đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền lập ngày 07 tháng 01 năm 2021). Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn C, xã T, H, Q. Vắng mặt.

2. Chị Mai Thị Hà, sinh năm 1995.

Trú tại: Khu phố 3, phường 5, T phố Đ, Q. Vắng mặt.

3. Anh Lê Văn T, sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn N, xã G, huyện G, Q. Vắng mặt.

4. Anh Lê Văn T, sinh năm 1992.

Trú tại: Khu phố 8, phường 5, T phố Đ, Q. Vắng mặt.

5. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1980.

Trú tại: Khu phố 5, phường Đ, Đ, Q. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 11/12/2020, Nguyễn Hoàng H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài nên gọi điện thoại cho Hà Văn H1 hỏi: “*Tối có xe không, chở tao đi làm*”, H1 hiểu ý của H là chở đi trộm cắp tài sản nên trả lời “*có*”. Khoảng 23 giờ cùng ngày H1 điều khiển xe máy Yamaha Exciter biển số 74C1-130.09 chở H đi dọc

theo đường Quốc lộ 1A theo H1 đi tỉnh Quảng Bình. Khi đến ngã ba về Cửa T, H xuống xe, tự mình đi bộ tìm kiếm nhà dân để trộm cắp tài sản, còn H1 điều khiển xe vào lại T phố Đông Hà. Đến nhà ông Đinh Phi T (ở thôn Hiền Lương, xã Hiền T, huyện Vĩnh Linh) H lén lút đột nhập vào nhà dùng đèn pin điện thoại của mình chiếu sáng để tìm tài sản. H đến nhà kho, thấy cửa kho đã khóa nên dùng hai tay nắm vào thanh sắt bên dưới nâng cửa ra khỏi lề rồi gấp cánh cửa về phía bên trái để vào trong. Thấy có 03 chiếc xe máy, H đi ra ngoài gọi điện thoại cho H1 để hỏi chỗ tiêu thụ xe tay ga rồi nói *“Có chiếc PCX bán được không, có chiếc AB nữa”* H1 nói *“có”*. H quay vào trong dắt xe Honda Air Blade ra sân rồi quay vào lấy chiếc xe PCX biển số 74C1-137.14 dắt ra thấy có sẵn chìa khóa trên xe nên nổ máy điều khiển xe vào T phố Đông Hà. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 12/12/2020, cả hai gặp nhau tại ngã tư Sông, H giao xe cho H1 mang đi bán. Qua mối quan hệ quen biết, H1 liên hệ với anh Lê Đại Hải (ở thôn Cổ T, xã Tân T, huyện H1 Hóa) để thực hiện việc mua bán xe. Do bận việc, anh Hải gọi cho anh Đỗ Thanh T (ở cùng thôn) gặp H1 để mua bán. H1 tháo biển số xe PCX vớt trên đường và dùng biển số xe 74C1-001.79 thay vào rồi lên H1 Hóa cầm cố xe cho anh T lấy 3.000.000 đồng rồi bắt xe về lại T phố Đông Hà. Chiều tối cùng ngày, H1 đưa số tiền cầm xe cho H và nhận 700.000 đồng. Số tiền nói trên, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá số 984/KLĐGTS ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Linh kết luận giá trị còn lại của 01 xe mô tô Honda PCX là 18.108.000 đồng.

Ngoài lần phạm tội trên, các bị cáo còn khai nhận trước đó đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09/12/2020, sau khi nghe H gọi điện rủ đi trộm cắp tài sản, H1 điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter biển số 74C1-130.09 chở H ra địa bàn huyện Vĩnh Linh đi vào đường liên xã Vĩnh Lâm thì H1 chạy xe vào lại T phố Đông Hà, H đi bộ tìm kiếm nhà dân để trộm cắp tài sản. Đến nhà ông PH Văn H (ở thôn Duy Viên, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh) thấy nhà không có cổng và hàng rào, trong sân để 03 chiếc xe máy. Quan sát phía trong nhà, thấy cửa chính bên trái khép hờ, nên H đến mở cửa vào trong, tới phòng khách, thấy chiếc điện thoại Ite1 P11 để giữa bàn, bỏ vào túi quần rồi đi ra sân dắt chiếc xe Honda blade biển số 74L1-163.99 ra đường, nổ máy và đi vào T phố Đông Hà.

Khoảng 05 giờ ngày 10/12/2020, khi đến gần cầu vượt ở Đông Hà, H mở cốp xe kiểm tra, thấy có giấy đăng ký xe nên gọi điện thoại cho H1 đến giao xe và điện thoại vừa lấy cắp được mang đi tiêu thụ. H1 đưa xe đến gặp anh Lê Văn T (ở khu phố 1, phường 4, T phố Đông Hà) là bạn của H1 và nói: *“cho tao mượn 2.500.000 đồng và để lại chiếc xe làm tin”*, T hỏi xe của ai? Có giấy tờ không? H1 trả lời: *“Xe của tau, mua lại để dùng, có giấy tờ”* nên T đồng ý và đưa cho H1 2.500.000 đồng. H1 đưa cho H 2.500.000 đồng, H chia cho H1 500.000 đồng. Số tiền trên cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 02 ngày sau, H1 gặp T và cho T chiếc điện thoại Ite1 P11, do không sử dụng được nên T để điện thoại ở phòng trọ của mình. Sau khi biết xe máy và điện thoại nói trên do trộm cắp mà có, T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an.

Kết luận định giá số 1035/KLĐGTS ngày 28/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Linh thì giá trị còn lại của xe mô tô Honda Blade là 9.851.389 đồng; giá trị còn lại của chiếc điện thoại Ite1 P11 là 1.236.667đ.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-VL ngày 18 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng H về tội “Trộm cắp tài sản”

theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173; Hà Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: VKSND huyện Vĩnh Linh giữ ngU cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử tU bố bị cáo Nguyễn Hoàng H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; tU bố bị cáo Hà Văn H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị áp dụng các điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 30 đến 36 tháng tù; áp dụng điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H1 từ 18 đến 21 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo T khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận Quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Vĩnh Linh đối với các bị cáo là đúng; các bị cáo nói lời sau cùng đều nhận ra sai trái của mình và đều đề nghị HĐXX xem xét xử phạt ở mức hình phạt thấp nhất.

Bị hại ông Đinh Phi T, ông PH Văn H đều trình bày đã nhận lại đúng tài sản của mình nên không có ý kiến gì về việc bồi thường dân sự và xử lý vật chứng, đều có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của bị hại tại Cơ quan điều tra, các kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 09, 12/12/2020 Nguyễn Hoàng H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt các tài sản là xe máy PCX biển số 74C1-137.14 của ông Đinh Phi T và bà Cao Thị Tố U, tại thôn Hiền Lương, xã Hiền T, huyện Vĩnh Linh; xe máy Honda Blade biển số 74L1-163.99 và điện thoại hiệu Itel P11 của ông PH Văn H và bà Vũ Thị T tại thôn Duy Viên, xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh, tổng trị giá của các tài sản tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt là 29.196.056 đồng (hai chín triệu một trăm chín sáu nghìn năm sáu đồng), trong đó xe máy Honda PCX biển số 74C1-137.14 trị giá 18.108.000 đồng; xe Honda Blade trị giá 9.851.389 đồng, 01 điện thoại di động Itel P11 trị giá 1.236.667 đồng.

Hà Văn H1 đồng phạm với Nguyễn Hoàng H trong cả hai lần phạm tội, tuy không trực tiếp lén lút chiếm đoạt nhưng bị cáo H1 đã có sự thống nhất về ý chí, hành động, giúp sức bằng cách dùng phương tiện mình mượn được chở bị cáo H đến hiện trường để trộm cắp, đồng thời mang tài sản do H trộm cắp được đi tiêu thụ, chính vì vậy bị cáo H1 cũng phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội mà bị cáo H thực hiện.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và sẽ bị pháp luật trừng trị song vẫn bất chấp, cố ý cùng nhau thực hiện nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng H, tại Bản án số 78/2019/HSST ngày 17/10/2019 của Tòa án

nhân dân T phố Đông Hà xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” xác định bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”, đến nay chưa được xóa án tích cho nên bị cáo H phải chịu tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; đối với bị cáo Hà Văn H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND huyện Vĩnh Linh đối với các bị cáo về tội danh là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ đồng thời gây mất trật tự trị an trên địa bàn, nên cần thiết phải lên một mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi của các bị cáo.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi nhân T của từng bị cáo, HĐXX thấy: Việc phạm tội của các bị cáo tuy có sự phân công, thống nhất về ý chí song không có sự cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Bị cáo H là người đề xuất cũng là trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nên giữ vai trò chính; bị cáo H1 giữ vai trò đồng phạm giúp sức đồng thời là người đưa tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ giữ vai trò thứ yếu.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân T của các bị cáo:
- Các bị cáo đều có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra, xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo H đã tự khai ra hành vi trộm cắp vào ngày 09/12/2012 trước bị cáo H1 nên được xem xét tình tiết giảm nhẹ “Tự thú”, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để đảm bảo công bằng cho bị cáo H1 cần áp dụng cho bị cáo H1 hưởng tình tiết giảm nhẹ “Tự thú” vì trong vụ án chỉ có một Điều tra viên tiến hành tố tụng cho nên việc lấy lời khai của các bị cáo có người tiến hành trước, có người tiến hành sau, bị cáo H1 khai tại bản cung ngày 23/12/2020 có nội dung khai ra hành vi phạm tội vào ngày 09/12/2020 mà bị cáo H đã khai trong bản cung ngày 22/12/2020. HĐXX nhận thấy quá trình từ khi bị cáo H1 tham gia tố tụng trong vụ án đến trước ngày 22/12/2020 đã có nhiều lần điều tra viên trực tiếp làm việc với bị cáo tuy nhiên bị cáo đã không tự khai ra hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đề nghị của đại diện viên kiểm sát thực hành công tố tại phiên tòa là không có cơ sở, không được hội đồng xét xử chấp nhận.

- Các bị cáo không có tiền sự, đều có nhân T xấu. Hiện tại các bị cáo đều bị công an huyện Triệu Phong và Công an huyện Gio Linh khởi tố bị can về các hành vi trộm cắp tài sản trong hai vụ án hình sự khác. Bị cáo H đã bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong xử phạt 09 tháng tù tại Bản án số 07/2014/HSST ngày 28/3/2014, bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù và các nghĩa vụ khác nên đã được xóa án tích. Bị cáo Hà Văn H1 bị Tòa án nhân dân T phố Đông Hà xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 22/HSST ngày 27/5/2008, bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù và các nghĩa vụ khác trong bản án nên đã được xóa án tích. Các bị cáo đã không lấy đây làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản T mà ngược lại còn tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Đây là tình tiết quan trọng để HĐXX xem xét, cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo theo H1 thật nghiêm khắc.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất

và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân T, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo Nguyễn Văn H, Hà Văn H1 ra khỏi xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở T người có ích cho xã hội và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Bản T các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Đinh Phi T, ông PH Văn H sau khi nhận lại tài sản của mình không có ý kiến, yêu cầu bồi thường gì khác. Anh Đỗ Thanh T, anh Lê Văn T là người đã trả tiền trong các giao dịch với bị cáo H1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 biển số xe mô tô số 74C1-001.79 của chị Hoàng Thị L do bị cáo H1 nhất được mang gắn vào xe PCX của ông T nay bà L không có nhu cầu nhận lại; sim thuê bao số 0845.575.009 của bị cáo H; thẻ sim số 0812.918.291 và 0842.476.357 của bị cáo H1 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động Nokia, loại TA-1174 màu xanh đen của bị cáo H, 01 điện thoại di động hiệu Viettel, model: V6314, màu đỏ đen của bị cáo H1 là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công.

- 01 xe máy Honda PCX màu xám có số khung 5604EY004374, số máy JF56E0006927 của ông Đinh Phi T, bà Cao Thị Tố U; 01 điện thoại di động hiệu ITEL P11, màu đen, 01 xe máy Honda, loại Blade màu xám đen, biển số 74L1-163.99, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 002776 của ông PH Văn H, bà Vũ Thị T đã được trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- 01 xe mô tô Yamaha Exciter, biển số 74C1-130.09 màu xanh trắng, số khung: S9A0EY057606, số máy: 1S9A057618, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 015122 mang tên Lê Văn T, anh T cho chị Mai Thị Hà mượn để sử dụng, việc bị cáo mượn xe từ chị Hà dùng làm phương tiện phạm tội, anh T, chị Hà không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe nói trên cho chủ sở hữu là anh Lê Văn T là đúng pháp luật.

- Bị cáo H được hưởng lợi 4.300.000 đồng, bị cáo H1 được hưởng lợi 1.200.000 đồng từ việc giao dịch những tài sản do phạm tội mà có, đây là sự hưởng lợi bất chính có được từ việc phạm tội cần phải truy thu sung công quỹ.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thanh T và Lê Văn T khi thực hiện giao dịch các tài sản với bị cáo H1 đã không biết các tài sản này do các bị cáo trộm cắp mà có, anh Lê Văn T, chị Mai Thị Hà không biết việc bị cáo mượn xe máy làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy không có căn cứ xem xét trách nhiệm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. TỬ BỐ:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng H (Cháu) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Hà Văn H1 (Vẹo) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hoàng H (Cháu) 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 19/12/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Hà Văn H1 (Vẹo) 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 19/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô số 74C1-001.79 của bà Hoàng Thị L; thẻ sim số 0845.575.009 của bị cáo Nguyễn Hoàng H (Cháu); thẻ sim số 0812.918.291 và 0842.476.357 của bị cáo Hà Văn H1 (Vẹo).

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia, loại TA-1174 màu xanh đen của bị cáo Nguyễn Hoàng H (Cháu), 01 điện thoại di động hiệu Viettel, model: V6314, màu đỏ đen của bị cáo Hà Văn H1 (Vẹo).

*(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Linh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh ngày 19/3/2021).*

- Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 4.300.000 đồng của bị cáo Nguyễn Hoàng H (Cháu), số tiền 1.200.000 đồng của bị cáo Hà Văn H1 (Vẹo).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 6; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng H (Cháu), Hà Văn H1 (Vẹo) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày tU án sơ thẩm (16/4/2021); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể, từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- Sở Tư pháp tỉnh QT;
- VKSND Vĩnh Linh;
- CA Vĩnh Linh;
- CCTHADS Vĩnh Linh;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vĩnh**